

PHỤ LỤC 1
DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH PHÂN LOẠI ĐƯỜNG HUYỆN THÀNH ĐƯỜNG XÃ
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /11/2025 của UBND tỉnh)

Đường huyện đang quản lý				Đề xuất điều chỉnh phân loại đường			Trong đó												Thông tin về cầu		Ghi chú	
STT	Số hiệu đường bộ	Tên đường	Chiều dài (km)	Số hiệu đường bộ	Tên đường	Chiều dài (km)	Chiều dài phân loại theo kết cấu mặt đường (km)						Chiều dài phân loại theo cấp đường (km)						Tổng số cầu (chiếc)	Tổng chiều dài (m)		
							Bê tông xi măng	Bê tông nhựa	Láng nhựa	Cấp phối, đá dăm	Đất	Loại khác	Cấp I	Cấp II	Cấp III	Cấp IV	Cấp V	Cấp VI				Loại khác
(1)	(2)	(3)	(4)=(8+9+10+11+12+13) (4)=(14+15+16	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)
I. Xã Cư M'gar																						
01	ĐH.32	Ea Kpam ÷ Ea Kiết	12,69	ĐX.CMG.01	Đường xã CưMgar - Ea Kiết 01 (Trước đây là đường huyện DH.32)	12,69	3,20	9,49	-							12,69				1,00	34,00	
02	ĐH.33	Quảng Phú ÷ Ea Kiết	7,79	ĐX.CMG.02	Đường xã Cư Mgar - Ea Mdroh 02 (Trước đây là đường huyện DH.33)	7,79		7,79								7,79				4,00	71,00	
03	ĐH.34	Ea Kpam ÷ Ea Tar ÷ Ea Kuêh	3,2	ĐX.CMG.03	Đường xã CuMgar - Ea Tul 03 (Trước đây là đường huyện DH.34)	3,16		3,16	-							3,16						
04	ĐH.35	Ea Đing ÷ Ea Tar	1,5	ĐX.CMG.04	Đường giao thông liên xã CưMgar 04 (Trước đây là đường huyện DH.35)	1,48			1,48							1,48						
05	ĐH.41	Ea Hding ÷ Quảng Hiệp	9,8	ĐX.CMG.05	Đường xã Cư Mgar - Ea MDroh 05 (Trước đây là đường huyện DH.41)	9,75	9,75									9,75						
II. Xã Cư M'ta																						
01	ĐH	Đường huyện từ xã Cư M'Ta đi xã CũKroái đến xã Ea Riêng	6,0	ĐX.01	Đường xã từ QL 26 (xã Cư M'ta) đến giáp xã Ea Riêng	6,0	6,0										6,0			3,0	54,0	
III. Xã Cư Pong																						
01	ĐH.04	Đường huyện Quốc lộ 14 đi xã Ea Sin, Cư Pong	16,80	ĐX.01a	Đường giao thông liên xã từ buôn Múi, xã Krông Búk đi ngã 3 Ama Kim, xã Cư Pong	16,80			16,80							16,80						
02	ĐH.04	Đường huyện Quốc lộ 14 đi xã Cư Pong	9,3	ĐX.01b	Đường giao thông liên xã từ thôn 6, xã Krông Búk đi ngã 3 trung tâm xã Cư Pong	9,30			9,30							9,30				1,00	12,00	
IV. Xã Cư Prao																						
01	ĐH	Đường D22 từ xã Ea Pli đến xã Cư Prao từ Km0+00 đến Km12+00	12,0	ĐX.01	Đường D22 xã Cư Prao từ Km0+00 đến Km12+00	12,00	12,00										12,00			1,00	12,00	
V. Xã Cư Pui																						
01	ĐH.01	Đường Hoà Phong - Cư Pui	10,19	ĐX.01	Đường Hoà Phong - Cư Pui	10,19	2,00		8,19							10,19						
VI. Xã Cư Yang																						
01	ĐH.07.01	Đường Ea Kar - Cư Yang, đoạn từ Km24+100 - Km36+000	11,90	ĐX.01	Đoạn nối từ ranh giới xã Cư Yang và xã Ea Pal đến nhà điều hành hồ chứa nước Krông Pách Thượng.	11,90			11,90							11,90				5,0	110,0	
02	ĐH.07.04	Đường Ea Ô - Cư Bông - Cư Yang đoạn từ Km8+00 đến Km18+00	10,00	ĐX.02	Đoạn từ ngã ba trường THCS Hoàng Hoa Thám xã Cư Yang đến Thôn 1A xã Ea Ô.	10,00	2,00		8,00							10,00				3,0	80,0	
03	ĐH.07.13	Đường Cư Yang - H. M'Drăk	6,91	ĐX.03	Đoạn ngã 3 nghĩa địa thôn 9 xã Cư Yang đến giáp ranh xã Krông Ấ.	6,91	2,30		4,61							6,91				1,0	30,0	
VII. Xã Cuôr Đăng																						
01	ĐH.31	Quảng Tiến đi Cuôr Đăng	10,52	ĐX.CĐ.01	Cuôr Đăng - Quảng Phú				10,52							10,52				1,00	27,00	
VIII. Xã Đăk Liêng																						
01	ĐH.127	Đường liên xã Liên Sơn - Đăk Liêng - Đăk Phoi	2,91	ĐX.ĐL.01	Đường xã Đăk Liên 01	2,91			2,91								2,91					
02	ĐH.128	Đường liên xã Đăk Liêng-Đăk Phoi	2,65	ĐX.ĐL.02	Đường xã Đăk Liên 02	2,65	1,89		0,76								2,65					
IX. Xã Đăk Phoi																						
01	ĐH.126	Đường liên xã Đăk Nuê - Đăk Phoi	3,05	ĐX.126	Đường Giao thông từ Buôn Dham 2 đến Buôn Chiêng Kao	3,05			3,05								3,05					
02	ĐH.127	Đường Liên xã Liên Sơn – Đăk Liêng – Đăk Phoi	7,00	ĐX.127	Đường Giao thông từ Buôn Pair đến Buôn Năm	7,00	0,55		6,45								7,00			1,00	36,00	
03	ĐH.128	Đường Liên xã Đăk Liêng – Đăk Phoi	5,15	ĐX.128	Đường Giao thông từ Buôn Chiêng Kao đến Buôn Năm	5,15			5,15								5,15					

Đường huyện đang quản lý				Đề xuất điều chỉnh phân loại đường				Trong đó												Thông tin về cầu		Ghi chú
STT	Số hiệu đường bộ	Tên đường	Chiều dài (km)	Số hiệu đường bộ	Tên đường	Chiều dài (km)	Chiều dài phân loại theo kết cấu mặt đường (km)						Chiều dài phân loại theo cấp đường (km)						Tổng số cầu (chiếc)	Tổng chiều dài (m)		
							Bê tông xi măng	Bê tông nhựa	Láng nhựa	Cấp phối, đá dăm	Đất	Loại khác	Cấp I	Cấp II	Cấp III	Cấp IV	Cấp V	Cấp VI			Loại khác	
(1)	(2)	(3)	(4)=(8+9+10+11+12+13) (4)=(14+15+16)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)
X. Xã Dang Kang																						
01	ĐH.01	Đường liên xã Hoà Thành, huyện Krông Bông đi xã Ea Hu, huyện Cư Kuin	4,10	ĐX.DK.01	Đường liên xã Dang Kang đi xã Ea Ning	4,10	4,10									4,10						
02	ĐH.02	Đường liên xã Cư Kty, huyện Krông Bông đi xã Ea Yieăng, huyện Krông Pắc	6,40	ĐX.DK.02	Đường liên xã Dang Kang đi xã Tân Tiến	6,40	6,40									6,40						
03	ĐH.03	Đường liên xã Hoà Tân - Hoà Thành	8,75	ĐX.DK.03	Đường liên xã Dang Kang	8,75	8,75									8,75						
XI. Xã Diễ Ya																						
01	DH.111	DH.111 (Ngã ba thôn Quảng An xã Ea Hồ giáp ranh xã Ea Tòh đến Km 27+ 00 tại xã Ea Tân (Giáp ranh Ea Hiao))	20,80	ĐX.01	Ngã ba thôn Quảng An xã Ea Hồ giáp ranh xã Ea Tòh đến Km 27+ 00 tại xã Ea Tân (Giáp ranh Ea Hiao) đoạn xã Diễ Ya	20,80				20,80						9,50	11,30			1,00	27,00	
02	DH.112	DH.112 - Ngã ba cây xăng Quý Điều xã Diễya đến Km 13 + 600 tại thôn Tân Thành Giáp ranh xã Ea Hiao, huyện Ea H'leo	13,60	ĐX.02	Ngã ba cây xăng Quý Điều xã Diễya đến Km 13 + 600 tại thôn Tân Thành Giáp ranh xã Ea Hiao, huyện Ea H'leo đoạn xã Diễ Ya	13,60				13,60						13,60						
03	DH.113	DH.113 - Cổng chào thông Tân Nam, xã Phú Lộc đến ngã 3 xã Ea Tòh giao với DH.111	1,90	ĐX.03	Cổng chào thông Tân Nam, xã Phú Lộc đến ngã 3 xã Ea Tòh đoạn xã Diễ Ya	1,90				1,90						1,90						
04	DH.116	DH.116 - Giáp ranh xã Ea Tam (cầu Trăm l) đến ngã ba Hội Ngổ, xã Ea Tân giao với DH.111	13,90	ĐX.04	Giáp ranh xã Ea Tam (cầu Trăm l) đến ngã ba Hội Ngổ, xã Ea Tân đoạn xã Diễ Ya	13,90				13,90						13,90						
05	DH.117	DH.117 - Ngã ba rẽ đi Sinh Kê, xã Ea Tòh đến Ngã ba cây Xăng Đại Đạt giao với DH.121, xã Ea Tân	11,30	ĐX.05	Ngã ba rẽ đi Sinh Kê, xã Ea Tòh đến Ngã ba cây Xăng Đại Đạt đoạn xã Diễ Ya	11,30				11,30						11,30						
06	DH.120	DH.120 - Km0+00 tại Ngã ba Đồi 900, (Km 7+700 DH.112) đến giáp ranh xã Cư Klông	3,10	ĐX.06	Km0+00 tại Ngã ba Đồi 900, (Km 7+700 DH.112) đến giáp ranh xã Cư Klông đoạn xã Diễ Ya	3,10				3,10						3,10						
07	DH.121	DH.121 - Ngã ba Nhà thờ Đồi trọc, xã Ea Tân đến Đồi 900 giao với DH.112 xã Diễya	11,30	ĐX.07	Ngã ba Nhà thờ Đồi trọc, xã Ea Tân đến Đồi 900 xã Diễ Yadoan xã Diễ Ya	11,30				11,30						11,30						
XII. Xã Đồng Xuân																						
01	DH.42	Đoạn Km0+00 - Km10+600	10,60	ĐX.42	Đường từ thôn Long Thằng xã Đồng Xuân đến giáp thôn Đồng Hội xã Phú Mỹ	10,6	10,6									10,60						
02	DH.44	Đoạn Km0+00 - Km4+00	4,00	ĐX.44	Đường từ thôn Tân Phước đi thôn Tân Thọ xã Đồng Xuân	4,00	4,00									4,00						
03	DH.45	Km0+00 - Km0+700	0,70	ĐX.45	Đường từ thôn Long Hà xã Đồng Xuân đi thôn Phước Lộc xã Xuân Phước	0,70	0,7								-	0,70						
04	DH.46	Km1+280 - Km6+160	4,88	ĐX.46	Đường từ giáp thôn Thanh Đức xã Xuân Phước đến xóm Thác Dài thôn Phú Sơn					4,88						4,88						
05	DH.48	Đoạn Km0+00 - Km3+70	3,07	ĐX.48	Xóm khẩu thôn Long Châu đi thôn Long Hòa xã Đồng Xuân		3,07									3,07						
XIII. Xã Dray Bhang																						
01	ĐH	Đường giao thông từ xã Dray Bhang đi Xã Cư ÊWi (Cây gòn) Đoạn từ Km0+00 đến Km12+00	5,90	ĐX.01	Đường giao thông từ xã Dray Bhang đi xã Ea Ning	5,90	2,00		3,90							5,90						
02	ĐH	Đường giao thông từ QL 27 - Ea Hu - Cư Êwi	6,90	ĐX.02	Đường Giao thông từ Quốc lộ 27 đi xã Dray Bhang, xã Ea Ning	6,90			6,90							6,90						
03	ĐH	Đường giao thông từ QL27 - Bàng Adrênh	2,50	ĐX.03	Đường Giao thông từ QL27 đi xã Dray Bhang	2,50	2,50									2,50						
XIV. Xã Đức Bình																						
01	ĐH.62	DH.62 (Đường giao thông từ QL29 đi xã Sơn Giang)	4,61	ĐX.01	Đường giao thông từ QL29 đi thôn Hà Giang, xã Đức Bình	4,61	4,61									4,61						
02	ĐH.64	DH.64 (Đường giao thông từ QL29 đi xã Đức Bình Đông)	14,00	ĐX.02	Đường giao thông từ thôn Bình Giang đi thôn Chí Thân, xã Đức Bình	14,00	5,00		9,00							14,00						
03	ĐH.69	DH.69 (Đường giao thông liên xã sơn Giang đi xã Đức Bình Đông)	10,40	ĐX.03	Đường giao thông liên xã sơn Giang (cũ) đi xã Đức Bình Đông (cũ)	10,40				10,40						10,40						
04	ĐH.70	DH 70 (Đường giao thông từ QL29 đi thôn Hòn O)	5,00	ĐX.04	Đường giao thông từ Buôn Nhum đi thôn Tuy Bình, xã Đức Bình	5,00				5,00						5,00						
05	ĐH.70B	DH.70B (Đường giao thông từ QL19C đi Bến dò Tuy Bình)	3,00	ĐX.05	Đường giao thông từ thôn Đồng Phú đi thôn Tuy Bình, xã Đức Bình	3,00			3,00							3,00						
XV. Xã Dư Kmăl																						
01	ĐH.89	DH.89 (Đường giao thông từ tuyến ĐT690 đến DH.90)	10,62	ĐX.89	Đường giao thông từ tuyến ĐT690 đi xã Dư Kmăl	10,62	5,86	1,90			2,54					1,90		5,86	2,54	1	80	

Đường huyện đang quản lý				Đề xuất điều chỉnh phân loại đường			Trong đó													Thông tin về cầu		Ghi chú
STT	Số hiệu đường bộ	Tên đường	Chiều dài (km)	Số hiệu đường bộ	Tên đường	Chiều dài (km)	Chiều dài phân loại theo kết cấu mặt đường (km)						Chiều dài phân loại theo cấp đường (km)							Tổng số cầu (chiếc)	Tổng chiều dài (m)	
							Bê tông xi măng	Bê tông nhựa	Láng nhựa	Cấp phối, đá dăm	Đất	Loại khác	Cấp I	Cấp II	Cấp III	Cấp IV	Cấp V	Cấp VI	Loại khác			
(1)	(2)	(3)	(4)=(8+9+10+11+12+13) (4)=(14+15+16)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)
02	ĐH.90	ĐH.90 (Đường giao thông từ tuyến ĐT.698 đến ĐT.698B)	18,26	ĐX.90	Đường giao thông từ tuyến ĐT.690 đi tuyến ĐT.698B xã Dư Km1	18,26	4,34	5,00		1,85	7,07					5,00		4,34	8,92			
03	ĐH.90A	ĐH.90A (Đường giao thông từ tuyến ĐT.698 đến hết ranh xã Krông Ana)	15	ĐX.90A	Đường giao thông từ tuyến ĐT.698 đến hết ranh xã Krông Ana	15,00	\											15,00				
04	ĐH.90C	ĐH.90C (Đường Giao thông từ tuyến ĐH 90 đến hết ranh xã Dư Km1)	3,8	ĐX.90C	Đường Giao thông từ tuyến ĐX.90 đến hết ranh xã Dư Km1	3,80	2,20	1,60								1,60		2,20				
05	ĐT.698B	Đường giao thông từ hồ EaTul giáp xã Krông Ana đi đèo Giang Sơn, xã Dray Bhang	13,4	ĐX.698B	Đường giao từ hồ EaTul giáp xã Krông Ana đi đèo Giang Sơn, xã Dray Bhang	13,40		13,40								13,40						
XVI. Xã Ea Bá																						
01	ĐH.61	ĐH.61	6,8	ĐX.61A	Đường giao thông từ xã Sông Hinh đi xã Ea Bá	6,80	6,80											6,80				
02	ĐH.63	ĐH.63 (QL29 - EaBá)	10,7	ĐX.63	Đường giao thông từ Quốc lộ 29 đi xã Ea Bá	10,70	10,70										10,70					
03	ĐH.67	ĐH.67 (QL29-Ea Bá)	8,38	ĐX.67	Đường giao thông từ Quốc lộ 29 đi xã Ea Bá	8,38		3,00	5,38										8,38 (Loại A)			
04	ĐH.70C	ĐH.70C (Buôn Quen đi hồ Tân Lập)	5,95	ĐX.70C	Đường giao thông từ xã Ea Bá đi xã Ea Ly	5,95					5,95							5,95				
05	ĐH.70D	ĐH.70D (Đường đi làng Dao)	4,35	ĐX.70D	Đường giao thông từ xã Sông Hinh đi xã Ea Bá	4,35			4,35										4,35 (Loại A)			
XVII. Xã Ea Bung																						
01	ĐH	Đường huyện ngã 3 Quảng đại Ea Rôk-Trung tâm xã Ia Rvê	1,70	ĐX.EB.01	Đường từ ranh giới xã Ea Rôk đi qua nhà máy mía đường đến ranh giới xã Ia Rvê	1,70	0,88			0,82						0,88	0,82			1,00	76,00	
02	ĐH	Đường đi trung tâm xã Ya Tô Môt đến ngã 3 nhà máy mía đường	24,05	ĐX.EB.02	Đường xã Ea Bung đi đến nhà máy mía đường	24,05	22,54	1,51								24,05				1,00	12,00	
03	ĐH	Đường ngã 4 Cư Mlan đi xã Ya Tô Môt	6,62	ĐX.EB.03	Đường xã Ea Bung từ giáp xã Ea Súp đến trung tâm xã Ya Tô Môt cũ	6,62	5,42			1,20						6,62				1,00	10,00	
XVIII. Xã Ea Drông																						
01	ĐH.01	Đường Buôn Hồ - Ea Blang -Ea Drông - Phú Xuân (NT49)	9,2	ĐX.01	Đường Buôn Hồ - -Ea Drông - Phú Xuân (NT49)	9,2	5,47		3,73							5,47	3,73					
02	ĐH.02	Thôn 1B xã Ea Siên đi xã Krông Búk (Krông Pách)	3,6	ĐX.02	Thôn 1B xã Ea Drông đi xã Ea Kly	3,6			3,60							3,60						
03	ĐH.03	Đường Thôn 7 xã Ea Drông đến Thôn 6A xã Ea Siên	8,1	ĐX.03	Đường Thôn 7 xã Ea Drông đến Thôn 6B xã Ea Drông	8,1	4,00		4,10							8,10						
04	ĐH.04	Đường từ Bình Thuận - T7 xã Ea Siên	2,6	ĐX.04	Đường từ phường Cư Bao - thôn 7B xã Ea Drông	2,6			2,60							2,60						
05	ĐH.05	Đường từ Ea Drông - Ea Hồ (Krông Năng)	2,31	ĐX.05	Đường từ Ea Drông - xã Krông Năng	2,31			2,31							2,31						
06	ĐH.06	Đường từ Hà Lan - EaSiên - Ea Phê (Đường Lý Chính Thắng)	6,3	ĐX.06	Đường từ phường Buôn Hồ - Ea Drông - xã Ea Phê	6,3			6,30							6,30						
07	ĐH.07	Đường từ xã Ea Blang đi xã Ea Siên	11,42	ĐX.07	Đường từ thôn Đông Xuân đi thôn1A, xã Ea Drông	11,42			11,42							11,42				1,00	99,00	
XIX. Xã Ea Hiao																						
01	ĐH	Đường liên huyện Ea H'Leo - Krông Năng	16,0	ĐX.01	Đường liên xã Ea Hiao đi xã Diê Ya, tỉnh Đắk Lắk	16,00			16,00							16,00				2,00	27,00	
XX. Xã Ea H'Leo																						
01	ĐH	Đường liên huyện Ea H'Leo - Ea Súp phía Tây Bắc	21,9	ĐX.01	Đường liên xã Ea H'Leo đi xã Ia Lốp	21,9			21,9							21,9				3,0	160,0	
XXI. Xã EaKar																						
01	ĐH.07.01	Đường Ea Kar - Cư Yang	12,0	ĐX.EK.01	Đường xã Ea Kar 1	12,0	4,00	2,94	5,06							2,94	9,06					
02	ĐH.07.05	Đường Phú Xuân - Ea Sar	8,8	ĐX.EK.02	Đường xã Ea Kar 2	8,8	7,00			1,80						8,80			1,00	89,30		
03	ĐH.07.06	Đường Ea Đar - Xuân Phú	8,0	ĐX.EK.03	Đường xã Ea Kar 3	8,0	2,00		2,00	4,00						8,00						
04	ĐH.07.07	Đường Ea Kmút - Ea Ô	13,9	ĐX.EK.04	Đường xã Ea Kar 4	13,9		13,9								13,90						

Đường huyện đang quản lý				Đề xuất điều chỉnh phân loại đường			Trong đó												Thông tin về cầu		Ghi chú	
STT	Số hiệu đường bộ	Tên đường	Chiều dài (km)	Số hiệu đường bộ	Tên đường	Chiều dài (km)	Chiều dài phân loại theo kết cấu mặt đường (km)					Chiều dài phân loại theo cấp đường (km)							Tổng số cầu (chiếc)	Tổng chiều dài (m)		
							Bê tông xi măng	Bê tông nhựa	Láng nhựa	Cấp phối, đá dăm	Đất	Loại khác	Cấp I	Cấp II	Cấp III	Cấp IV	Cấp V	Cấp VI				Loại khác
(1)	(2)	(3)	(4)=(8+9+10+11+12+13) (4)=(14+15+16)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)
05	ĐH.07.09	Đường Cư Ni - Ea Pal	11,2	ĐX.EK.05	Đường xã Ea Kar 5	11,2			11,2							11,2						
06	ĐH.07.11	Đường Ea Đar - Cư Ni	6,4	ĐX.EK.06	Đường xã Ea Kar 6	6,4	3,0				3,4					6,4						
07	ĐH.07.14	Đường Cư Huê - Krông Búk	8,1	ĐX.EK.07	Đường xã Ea Kar 7	8,1	0,46		7,64							8,10						
08	ĐH.07.15	Quốc lộ 26 đi Ea Sar	1,0	ĐX.EK.08	Đường xã Ea Kar 8	1,0			1,0							1,0						
XXII. Xã Ea Khál																						
01	ĐH.04	Đoạn đường Ea H'Leo - Cư Mgar từ km 0+00 đến km 23+490	23,49	ĐX.04	Đường giao thông từ xã Ea Khál đến xã Ea Kiết	23,49			23,49							23,49				2	51	
XXIII. Xã Ea Kiết																						
01	ĐH.32	Đường giao thông liên xã Ea Kpam đi xã Ea Kiết	3,89	ĐX.EK.01	Đường giao thông liên xã CưMgar đi xã Ea Kiết	3,89		3,89								3,89				2	37	
02	ĐH.33	Đường giao thông liên xã Quảng Phú đi xã Ea Kiết	2,15	ĐX.EK.02	Đường Giao thông từ thôn 4 đi thôn 10 xã Ea Kiết	2,15			2,15							2,15						
03	ĐH.34	Đường giao thông liên xã Ea Kpam đi xã Ea Tar, xã Ea Kuêh	6,92	ĐX.EK.03	Đường giao thông liên xã Ea Tul đi xã Ea Kiết	6,92		6,92								6,92				3	79	
04	ĐH.36	Đường giao thông liên huyện Cư M'gar đi huyện Ea Súp	11,94	ĐX.EK.04	Đường giao thông liên xã Ea Kiết đi xã Ea Súp	11,94			11,94							11,94						
05	ĐH.45	Đường Giao thông liên xã Ea Kiết đi xã Ea Kuêh	8,46	ĐX.EK.05	Đường giao thông từ thôn 10 đi buôn Yun xã Ea Kiết	8,46			8,46							8,46						
06	ĐH	Đường giao thông đến trung tâm xã Ea M'roh (xã Quảng Hiệp mới),huyện Cư M'gar	2,74	ĐX.EK.06	Đường giao thông liên xã Quảng Hiệp đi xã Ea Kiết	2,74	2,74									2,74						
XXIV. Xã Ea Kly																						
01	ĐH.06.08	Đường GT từ xã Ea Kly đi xã Vụ Bồn, huyện Krông Pắc	10,20	ĐX.06.08	Đường GT từ QL26 đi xã Ea Kly	10,20	5,700	1,50	3,00							10,20						
XXV. Xã Ea Knốp																						
01	ĐH.07.02	Đường GT từ xã Ea Knốp đi xã Ea Pal, đoạn từ Km0+00-Km4+00	4,00	ĐX.01	Đường xã Ea Knốp 1	4,00		4,00								4,00						
02	ĐH.07.03	Đường Giao thông từ xã Ea Tyh đi xã Ea Pal, đoạn từ Km0+00-Km6+00	6,00	ĐX.02	Đường xã Ea Knốp 2	6,00	6,0									6,0						
03	ĐH.07.05	Đường Giao thông từ xã Xuân Phú đi xã Ea Sar, Đoạn Km10+00-Km12+00	2,00	ĐX.03	Đường xã Ea Knốp 3			2,0								2,0						
04	ĐH.07.12	Đường Giao thông từ xã Ea Tyh đi xã Ea Sô	15,954	ĐX.04	Đường xã Ea Knốp 4	15,954		15,80								15,80				1,00	154,00	
05	ĐH.07.15	Đường Giao thông từ Quốc lộ 26 đi xã Ea Sar	14,6	ĐX.04	Đường xã Ea Knốp 5	14,60		14,60								14,60						
XXVI. Xã Ea Knuéc																						
01	ĐH.06.09	Đường GT từ xã Hoà Đông đi xã Cuôr Đăng, huyện Cư M'gar	3,60	ĐX.EKN.01	Đường GT từ xã Ea Knuéc đi xã Cuôr Đăng	3,60		3,60								3,60						
02	ĐH.06.10	Đường GT từ xã Ea Kênh huyện Krông Pắc đi xã Cư Bao, TX Buôn Hồ	5,30	ĐX.EKN.02	Đường GT từ xã Ea Knuéc đi phường Cư Bao	5,30	5,30									5,30						
03	ĐH.06.11	Đường GT từ xã Hoà Đông, huyện Krông Pắc đi xã Ea Ktur huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk	4,13	ĐX.EKN.03	Đường GT từ xã Ea Knuéc đi xã Ea Ktur	4,13		4,13								4,13						
04	ĐH.06.07	Đường từ xã Ea Knuéc huyện Krông Pắc đi xã Cư Êwi, huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk	8,85	ĐX.EKN.04	Đường từ xã Ea Knuéc đi xã Ea Ning, tỉnh Đắk Lắk	8,85		8,85								8,85						
XXVII. Xã Ea Ktur																						
01	ĐH.05	Đường giao thông từ QL 27 đi xã Ea Ning (Ngã 3 Ea Sim)	8,00	ĐX.01	Đường giao thông từ QL 27 đi xã Ea Ning (Ngã 3 Ea Sim)	8,00			8,00							8,00						
02	ĐH.03	Đường giao thông từ xã Ea Tiều đi xã Ea Kao	8,00	ĐX.02	Đường giao thông từ xã Ea Ktur d phường Ea Kao	8,00			8,00							8,00						
XXVIII. Xã Ea Ly																						

Đường huyện đang quản lý				Đề xuất điều chỉnh phân loại đường			Trong đó													Thông tin về cầu		Ghi chú
STT	Số hiệu đường bộ	Tên đường	Chiều dài (km)	Số hiệu đường bộ	Tên đường	Chiều dài (km)	Chiều dài phân loại theo kết cấu mặt đường (km)					Chiều dài phân loại theo cấp đường (km)								Tổng số cầu (chiếc)	Tổng chiều dài (m)	
							Bê tông xi măng	Bê tông nhựa	Láng nhựa	Cấp phối, đá dăm	Đất	Loại khác	Cấp I	Cấp II	Cấp III	Cấp IV	Cấp V	Cấp VI	Loại khác			
(1)	(2)	(3)	(4)=(8+9+10+11+12+13) (4)=(14+15+16)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)
01	DH.63	Đường giao thông từ QL29 đi xã EaBá, xã EaLâm	7,80	ĐX.63A	Đường Giao thông từ đường Đồng Trường Sơn đi giáp xã Ea Bá	7,80			7,80								7,80					
02	DH.66	Đường Giao thông liên xã Ea Bar đi xã Ea Ly	7,20	ĐX.66	Đường giao thông từ QL29 đi thôn Tân Bình xã Ea Ly	7,20			7,20									7,20				

XXIX. Xã Ea M'Droh

01	DH.37	Quảng Hiệp ÷ Ea MDroh ÷ Ea Kiệt	12,50	ĐX.01	Đường xã Ea M'Droh 01	12,50			12,50							12,50						
02	DH.38	Quảng Phú ÷ Ea M'ngang	10,97	ĐX.02	Đường xã Ea M'Droh 02	10,97		1,03	9,94							10,97						
03	DH.39	Ea Pôk ÷ Ea M'ngang	8,83	ĐX.03	Đường xã Ea MDroh 03	8,83		1,41	7,42							8,83						
04	DH.40	Cư Suê ÷ Ea M'ngang	7,33	ĐX.04	Đường xã Ea MDroh 04	7,33			7,33							7,33						
05	DH.41	Ea H'đing ÷ Quảng Hiệp	9,75	ĐX.05	Đường xã Ea MDroh 05	9,75	6,92		2,83							9,75						
06	DH.42	Quảng Hiệp ÷ Ea M'ngang	6,08	ĐX.06	Đường xã Ea MDroh 06	6,08	1,20		4,88							6,08						

XXX. Xã Ea Na

01	DH.80	DH.80 (Đường huyện DH.81 (thửa 130 TBD 98 Thôn Dray Sáp cũ) đến Giáp ranh giới xã Hoà Phú, TP Buôn Ma Thuột cũ)	3,00	ĐX.80	Đường giao thông từ thôn Dray Sáp, xã Ea Na đến Giáp xã Hoà Phú	3,00			3,00							3,00						
02	DH.81	DH.81 (Tỉnh lộ 698 Giáp ranh giới xã Hoà Khánh, TP Buôn Ma Thuột cũ đến Sông Sêrêpok Giáp xã Đăk Sôr, Đăk Nông cũ)	13,00	ĐX.81	Đường giao thông từ xã Ea Na đến Sông Sêrêpok	13,00			13,00							13,00						
03	DH.82	DH 82 (Tỉnh lộ 698 Buôn Tuôr A đến Giáp ranh giới xã Hoà Phú, TP. Buôn Ma Thuột cũ)	4,00	ĐX.82	Đường giao thông từ Buôn Tuôr A, xã Ea Na đến xã Hoà Phú	4,00	1,80			2,20								1,80	2,20			
04	DH.83	DH.83 (DH.81 đến UBND xã Ea Na)	4,30	ĐX.83	Đường Giao thông từ đường ĐX.81 đến trung tâm xã Ea Na	4,30	1,30		3,00							3,00		1,30				
05	DH.84	DH.84 (ĐT.698 đến DH.85)	4,00	ĐX.84	Đường Giao thông từ Đường tỉnh ĐT.698 đến ĐX.85	4,00	4,00											4,00				
06	DH.85	DH.85 (ĐT698 đến ĐT698C)	10,12	ĐX.85	Đường Giao thông từ Đường tỉnh ĐT.698 đến ĐT.698C (theo quy hoạch tỉnh)	10,12	4,33				5,79							4,33	5,79			
07	DH.86	DH.86 (ĐT698C đến hết ranh xã Ea Na)	1,80	ĐX.86	Đường giao thông từ Đường ĐT.698C (theo quy tỉnh) đến hết ranh xã Ea Na	1,80	1,80											1,80				
08	DH.87	DH.87 (ĐT 698 đến ĐT690)	11,90	ĐX.87	Đường giao thông từ đường tỉnh ĐT.698 đến đường tỉnh ĐT.690	11,90	11,75			0,15								11,8	0,15			
09	DH.88	DH.88 (DH.87 đến ĐT698)	4,50	ĐX.88	Đường giao thông từ đường ĐX.87 đến đường tỉnh ĐT.698	4,50				4,50									4,50			
10	DH.89	DH.89 (ĐT690 đến DH90)	4,00	ĐX.89	Đường giao thông từ đường ĐT.690 đến trung tâm xã Ea Na	4,00	1,50			2,50								1,50	2,50			
11	DH.89A	DH.89A (ĐT690 đến hết ranh xã Ea Bông cũ)	3,30	ĐX.89A	Đường giao thông từ đường ĐT.690 đến hết ranh xã Ea Na	3,30				1,50	1,80								3,30			

XXXI. Xã Ea Ning

01	DH	Ea B'hok -Cư Êwi (Cây gòn) Đoạn từ Km6+00 đến Km11+200	5,20	ĐX.01	Đường Giao thông từ xã Dray B'hăng đi xã Ea Ning	5,20			5,20								5,20					
02	DH	QL 27 - Ea Hu - Cư Êwi đoạn từ Km12+00 đến Km15+500	3,50	ĐX.02	Đường Giao thông từ Quốc lộ 27 đi xã Ea Ning	3,50			3,50								3,50					

XXXII. Xã Ea Ô

01	DH.07.01	Đường Ea Kar - Cư Yang	4,60	ĐX.EO.01	Đường xã Ea Ô 01	4,60	1,05	1,28	2,27							4,60						
02	DH.07.04	Đường Ea Ô - Cư Bông - Cư Yang	6,50	ĐX.EO.02	Đường xã Ea Ô 02	6,50			6,50							2,00			1,00	30,00		
03	DH.07.07	Đường Ea Kmút - Ea Ô	4,60	ĐX.EO.03	Đường xã Ea Ô 03	4,60		4,60								4,60						
04	DH.07.10	Đường Ea Ô - Cư Elang	12,60	ĐX.EO.04	Đường xã Ea Ô 04	12,60	4,50		8,10							12,60				1,00	165,00	

XXXIII. Xã Ea Pál

01	DH.07.01	Đường Ea Kar - CưYang	12,00	ĐX.EP.01	Đường xã Ea Pál 01	12,00		12,00								12,00				1,00	49,00	
----	----------	-----------------------	-------	----------	--------------------	-------	--	-------	--	--	--	--	--	--	--	-------	--	--	--	------	-------	--

Đường huyện đang quản lý				Đề xuất điều chỉnh phân loại đường				Trong đó												Thông tin về cầu		Ghi chú
STT	Số hiệu đường bộ	Tên đường	Chiều dài (km)	Số hiệu đường bộ	Tên đường	Chiều dài (km)	Chiều dài phân loại theo kết cấu mặt đường (km)						Chiều dài phân loại theo cấp đường (km)						Tổng số cầu (chiếc)	Tổng chiều dài (m)		
							Bê tông xi măng	Bê tông nhựa	Láng nhựa	Cấp phối, đá dăm	Đất	Loại khác	Cấp I	Cấp II	Cấp III	Cấp IV	Cấp V	Cấp VI			Loại khác	
(1)	(2)	(3)	(4)=(8+9+10+11+12+13) (4)=(14+15+16)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)
02	DH.07.02	Đường Ea Knốp - Ea Pál	4,00	ĐX.EP.02	Đường xã Ea Pál 02	4,00		4,00								4,00						
03	DH.07.03	Đường Ea Tỷh - Ea Pál	4,00	ĐX.EP.03	Đường xã Ea Pál 03	4,00	4,00									4,00						
04	DH.07.08	Đường Ea Pál - Cư Prông	12,60	ĐX.EP.04	Đường xã Ea Pál 04	12,60	6,00		6,60							12,60						
XXXIV. Xã Ea Phê																						
01	DH.06.03	Đường Ea Phê-đi xã Ea Kuàng đến xã Vụ Bồn, huyện Krông Pắc	11,487	ĐX.06.03	Đường GT từ quốc lộ 26, xã Ea Phê đi đến cầu Ea Phê giáp với xã Vụ Bồn	11,52	9,02									9,017				1,0	33,0	
02	DH.06.04	Đường từ xã Ea Phê đi xã Bình Thuận	7,16	ĐX.06.04	Đường GT từ Quốc Lộ 26 đi xã Ea Phê	7,16			7,16							7,160						
XXXV. Xã Ea Riêng																						
01	ĐH	Đường huyện từ xã Ea Riêng đến xã Ea H'Mlay	12,00	ĐX.ER.1	Đường giao thông từ Quốc lộ 19C đi xã Ea Riêng	12,00	0,20		11,80								12,00			2	44	
02	ĐH	Đường huyện Buôn M'Bhao từ thị trấn xã Ea Riêng	1,05	ĐX.ER.2	Đường xã từ giáp xã M'Drắk đến Quốc lộ 19C	1,05	1,05									1,05						
03	ĐH	Đường huyện từ xã Cư MTa đi xã Cư Króa đến xã Ea Riêng	1,00	ĐX.ER.3	Đường xã từ giáp xã Cư MTa đến QL19C	1,00	1,00									1,00						
XXXVI. Xã Ea Rók																						
01	DH.03.1	Đường huyện Ngã 3 xã Ea Lê - Trung tâm xã Ia L'oi	4,99	ĐX.ER.01	Đường từ Cầu Trắng xã Ea Rók đi trung tâm xã Ia L'oi (cũ)	4,88	1,88		3,00							4,88				1,0	110,46	
02	DH.03.2	Đường từ ngã 3 Quảng Đại Ea Rók - Trung tâm xã Ia Rvê	6,33	ĐX.ER.02	Đường từ ngã 3 Quảng Đại đến ranh giới xã Ea Bung	6,25		6,25								6,25				1,0	75,75	
03	DH.03.3	Đường đi trung tâm xã Cư Khang	7,3525	ĐX.ER.03	Đường ngã ba 3 Láng Mông đến ranh giới xã Ea Lê (cũ)	7,3525		7,3525								7,31				1,0	42,50	
04	DH.03.4	Đường đi trung tâm xã Ia Lóp	9,28	ĐX.ER.04	Đường ngã ba 3 xã Ia L'oi (cũ) đến ranh giới xã Ia Lóp	9,28	9,28									9,28						
XXXVII. Xã Ea Súp																						
01	ĐH	Đường đi trung tâm xã Cư Khang	2,6	ĐX.01a	Đường liên xã Ea Súp đi xã Ea Rók (đoạn từ ngã 3 chợ Ea Lê đến trường tiểu Nguyễn Văn Trỗi)	2,6		2,6								2,6						
02	ĐH	Đường ngã 4 Cư Mlan đi xã Ya Tô Mót	2,1	ĐX.01b	Đường liên xã Ea Súp đi xã Ea Bung (đoạn từ ngã 4 Cư Mlan cũ đi xã Ea Bung)	2,1	0,3		1,8							2,1						
03	ĐH	Đường liên huyện Cư Mgar- Ea Súp	12,96	ĐX.01c	Đường liên xã Ea Súp đi xã Ea Kiết	12,96										12,96						
XXXVIII.Xã Ea Trang																						
01	DH.01	Đường huyện từ Ea Trang đến xã Cư San	8,30	ĐX.ET.01	Đường xã từ Ea Trang đến xã Krông Ấ	8,30	8,30									8,3						
XXXIX. Xã Ea Tul																						
01	DH.34	Đường huyện DH.34 đường liên xã Ea Tar đi Ea Kuêh	11,21	ĐX.01	Đường xã Ea Tul đi xã Ea Kiết	11,21			11,21							11,21						
02	DH.35	Đường xã Ea Hding đi xã Ea Tar	2,74	ĐX.02	Đường xã Ea Tul đi xã Cư Mgar	2,74			2,74							2,74						
03	DH 43	Đường giao thông Cư Mgar đi Buôn Hồ	7,3	ĐX.03	Đường xã Ea Tul đi phường Cư Bao	7,3			7,3							7,3						
04	DH 44	Đường giao thông liên xã EaTul đi Cư Đliê Mông	6,88	ĐX.04	Đường giao thông xã Ea Tul	6,88			6,88							6,88						
XXXX. Xã Ea Wy																						
01	ĐH	Đoạn đường Ea H'Leo - Ea Súp phía Tây bắc	20	ĐX.01	Đường liên xã Ea Wy đi xã Ea Súp				20,00							20,00				3,00	160,00	
XXXXI. Xã Hòa Mỹ																						
01	DH.75	Phủ Thứ - Hòa Thịnh	2,562	ĐX.75	Đoạn từ cầu Cháy đến cầu Bến Cui (phía Bắc cầu Bến cũ)	2,5		2,5										2,5 (loại A)	1,0	12,0		
02	DH.76	Xuân Mỹ - Đập Suối Lạnh	2,50	ĐX.76	Ngã Ba Xuân Mỹ đến Nhà Tráng Lũ thôn Lạc Chi	2,5		2,5										2,5 (loại A)	2,0	65,0		

Đường huyện đang quản lý				Đề xuất điều chỉnh phân loại đường			Trong đó													Thông tin về cầu		Ghi chú
STT	Số hiệu đường bộ	Tên đường	Chiều dài (km)	Số hiệu đường bộ	Tên đường	Chiều dài (km)	Chiều dài phân loại theo kết cấu mặt đường (km)						Chiều dài phân loại theo cấp đường (km)							Tổng số cầu (chiếc)	Tổng chiều dài (m)	
							Bê tông xi măng	Bê tông nhựa	Láng nhựa	Cấp phối, đá dăm	Đất	Loại khác	Cấp I	Cấp II	Cấp III	Cấp IV	Cấp V	Cấp VI	Loại khác			
(1)	(2)	(3)	(4)=(8+9+10+11+12+13) (4)=(14+15+16)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)
03	DH.77	Lạc chi - Hòa Thịnh	1,4	ĐX.77	Lạc chi - Hòa Thịnh	1,4	1,4									1,4						
04	DH.78	Phú Thuận - Mỹ Thành	10,72	ĐX.78	Phú Thuận - Mỹ Thành	10,72		10,72								10,72				3,0	132,0	
05	DH.79	UBND xã Hòa Mỹ Đông đến Ga Hòn Sặc	3,745	ĐX.79	UBND xã Hòa Mỹ đến Ga Hòn Sặc	3,745		3,745								3,745						
06	DH.82	Phú Nhiêu (chợ Phú Nhiêu) - Hòa Phong (Cầu Hào Ba)	2,1	ĐX.82	Phú Nhiêu (chợ Phú Nhiêu) -Tây Hòa (Cầu Hào Ba)	2,1		2,1								2,1				1,0	24,0	
07	DH.83	Cầu Bà Chuông xã Hòa Phú đến Trụ sở UBND xã Hòa Mỹ Tây	4,22	ĐX.83B	Ngã Ba Ga Hòn Sặc đến Trụ sở Đảng ủy xã Hòa Mỹ	4,22		4,22								4,22						
08	DH.84	Từ UBND xã Sơn Thành Đông đến Cầu Bến Mít xã Hòa Mỹ Tây	6,4	ĐX.84	Từ Ngã ba Mỹ Thành (gần cầu Bến Mít) đến Lâm Viên Vĩ Na	6,4	6,4												6,4 (Loại A)			
XXXXII. Xã Hòa Sơn																						
01	DH.04	Đường Ea Trul - Yang Rêh	2,075	ĐX.01	Đường xã Hoà Sơn 01	2,075	2,075									2,075						
02	DH.07	Đường Hoà Sơn - Ea Trul	2,78	ĐX.02	Đường xã Hoà Sơn 03	2,78	2,78									2,78						
03	DH.08	Đường Hòa Sơn - Khuê Ngọc Diên	3,955	ĐX.03	Đường xã Hoà Sơn 04	3,955	3,955									3,955						
XXXXIII. Xã Hòa Thịnh																						
01	DH.74	Ga gò mằm- nhà 5 Bình	1,88	ĐX.74B	Cầu suối- nhà 5 Bình	1,88	1,88												1,88 (loại A)			
02	DH.75	Phú Thứ- Hòa Thịnh	10,80	ĐX.75B	Từ nhà ông Nguyễn Trọng - Hòa Thịnh	10,80		10,8								10,8				2	100	
03	DH.76	Xuân Mỹ- Đập suối lạnh	9,10	ĐX.76B	Từ nhà ông Nguyễn Thanh Hóa- Đập suối lạnh	9,10	5,10		4,00										9,1 (Loại A)	1	25	
04	DH.77	Lạc Chi- Hòa Thịnh	2,76	ĐX.77B	Từ ranh giới xã Hòa Mỹ- Hòa Thịnh	2,76										2,76						
05	DH.81	Kênh N6- Hòa Đồng	5,55	ĐX.81B	Từ nhà ông Nguyễn Văn Lý đến cuối xã Hòa Đồng (cũ)	5,55													5,55 (Loại A)			
XXXXIV. Xã Hòa Xuân																						
01	DH.91	Phú Khê - Phước Tân	8,13	ĐX.91	Phú Khê - Phước Tân	8,13	6,83			1,30						8,13						
02	DH.92	Phú Khê - Phước Giang	4,00	ĐX.92	Phú Khê - Phước Giang	4,00	4,00									4,00						
XXXXV. Xã Ia Lốp																						
01	DH.03.04	Đường đi trung tâm xã Ia Lốp	18,44	ĐX.01	Đường trục chính đi trung tâm xã Ia Lốp	18,44	14,57		3,87							18,44						
XXXXVI. Xã Ia Rvê																						
01	DH.53	Đường từ thôn 6 xã Ia Rvê hướng đi nhà máy mía đường đến giáp ranh xã Ea Bung	20,0	ĐX.53	Đường từ thôn 6 xã Ia Rvê hướng đi nhà máy mía đường đến giáp ranh xã Ea Bung	20,0	12,0				8,0					20,0				1,0	40,0	
XXXXVII. Xã Krông Á																						
01	DH	Đường huyện từ Ea Trang đến xã Cư San	12,7	ĐX.01	Đường xã từ giáp xã Ea Trang đến trung tâm xã Krông Á	12,7	12,7									12,7				2	82	
XXXXVIII. Xã Krông Ana																						
01	DH.85	DH.85 (Từ đường tránh Buôn Tơ Lo đến cầu suối tôm, TT Buôn Trấp cũ)	10,48	ĐX.01	Đường xã 01 (Từ đường tránh Buôn Tơ Lo đến cầu suối tôm, TT Buôn Trấp cũ)	10,48				10,48									10,48			
02	DH.85A	DH.85A (Từ cầu suối tôm, TT Buôn Trấp cũ đến ngã 3 buôn ÊCăm)	3	ĐX02	Đường xã 02 (Từ cầu suối tôm, TT Buôn Trấp cũ đến ngã 3 buôn ÊCăm)	3				3,00						-			3,00			
03	DH.85B	DH.85B (Từ Hồ Ea Chang (DH 85C) đến cầu bệnh viện)	3,7	ĐX.03	Đường xã 03 (Từ Hồ Ea Chang (DH 85C) đến cầu bệnh viện)	3,7				3,70									3,70			
04	DH.85C	DH.85C (Từ ĐT 698 (thôn 1) qua nút giao hồ Ea Chang đến DH 85)	3	ĐX.04	Đường xã 04 (Từ ĐT 698 (thôn 1) qua nút giao hồ Ea Chang đến DH 85)	3					3,00								3,00			

Đường huyện đang quản lý				Dự xuất điều chỉnh phân loại đường			Trong đó													Thông tin về cầu		Ghi chú
STT	Số hiệu đường bộ	Tên đường	Chiều dài (km)	Số hiệu đường bộ	Tên đường	Chiều dài (km)	Chiều dài phân loại theo kết cấu mặt đường (km)						Chiều dài phân loại theo cấp đường (km)							Tổng số cầu (chiếc)	Tổng chiều dài (m)	
							Bê tông xi măng	Bê tông nhựa	Láng nhựa	Cấp phối, đá dăm	Đất	Loại khác	Cấp I	Cấp II	Cấp III	Cấp IV	Cấp V	Cấp VI	Loại khác			
(1)	(2)	(3)	(4)=(8+9+10+11+12+13) (4a)=(14+15+16)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)
05	DH.8SD	DH.8SD (ĐT 698 đến ĐH85)	2,9	ĐX.05	Đường xã 05 (Từ ĐT 698 đến ĐH 85)	2,9					2,90								2,90			
06	ĐH.90	DH.90 (Từ cổng chào thôn 5 xã Quảng Điện cũ đến giáp ranh xã Dư Kmál cũ)	3,34	ĐX.06	Đường xã 06 (Từ cổng chào thôn 5 xã Quảng Điện cũ đến giáp ranh xã Dư Kmál cũ)	3,34	3,34											3,34				
07	DH.90A	DH.90A (Từ giáp ranh sông Krông Ana địa phận Bình Hòa cũ, qua cổng chào thôn 3 Quảng Điện cũ đến ranh giới xã Dư Kmál)	14,95	ĐX.07	Đường xã 07 (Từ giáp ranh sông Krông Ana địa phận Bình Hòa cũ, qua cổng chào thôn 3 Quảng Điện cũ đến ranh giới xã Dư Kmál)	14,95	10,68			4,27								10,68	4,27			
08	DH.90B	DH.90B (từ cây đa hồ cá Thôn Som Trà qua cầu Ea Chai đến giáp Sông Krông Ana)	5,1	ĐX.08	Đường xã 08 (từ cây đa hồ cá Thôn Som Trà qua cầu Ea Chai đến giáp Sông Krông Ana)	5,1	2,00			3,10								2,00	3,10	1	100	
09	DH.90D	DH.90D (từ cầu bệnh viện đến chợ cây cóc, xã Quảng Điện cũ)	4,6	ĐX.09	Đường xã 09 (từ cầu bệnh viện đến chợ cây cóc, xã Quảng Điện cũ)	4,6	2,10	2,50								2,50		2,10				
10	ĐH	ĐH (từ Ngà ba Quỳnh Tân, TT Buồn Tráp đến ranh xã Băng Adrênh cũ)	2,6	ĐX.10	Đường xã 10 (từ Ngà ba Quỳnh Tân, TT Buồn Tráp đến ranh xã Băng Adrênh cũ)	2,6		2,60								2,60						
XXXXIX. Xã Krông Bông																						
01	ĐH	Đường Hòa Sơn - Khuê Ngọc Điện	2,705	ĐX.01	Đường Hòa Sơn - Krông Bông	2,705	2,705									2,705						
XXXXX. Xã Krông Búk																						
01	ĐH.04	Đường huyện Quốc lộ 14 đi huyện Krông Năng	4,00	ĐX.01a	Đường giao thông liên xã từ Quốc lộ 14 xã Krông Búk đi xã Diê Ya	4,00			4,00							4,00						
XXXXXI. Xã Krông Năng																						
01	ĐH.113	ĐH.113 (Km0+00 tại Cầu đập Đông Hồ (giao với đường Hùng Vương) đến Công chào thông Tân Nam, xã Ea Tóh)	8,1	ĐX.K01	Đường giao thông từ Cầu đập Đông Hồ (giao với đường Hùng Vương) đến Công chào thông Tân Nam, xã Diê Ya	8,10			8,10							8,10						
02	ĐH.111	ĐH.111 (Km0+00 tại Ngã tư Ea Hồ (giao với Km 171+200 Quốc lộ 29) đến Ngã ba thôn Quảng An xã Ea Hồ giáp ranh xã Ea Tóh)	6,2	ĐX.K02	Đường giao thông từ Ngã tư Ea Hồ (giao với Km 171+200 Quốc lộ 29) đến giáp ranh xã Ea Diê Ya	6,20			6,20							6,20						
03	ĐH.119	ĐH 119 (Km 0+00 tại Km 170+500 Quốc lộ 29, xã Ea Hồ đến Ranh giới xã Phú Xuân)	3,8	ĐX.K03	Đường giao thông Quốc lộ 29, xã Ea Hồ đến Ranh giới xã Phú Xuân	3,80			3,80							3,80						
04	ĐH.122	ĐH.122 (Km0+00 tại Ngã tư Ea Hồ (giao với Km 171+200 Quốc lộ 29) đến giáp ranh với xã Ea Drông, thị xã Buôn Hồ)	3,4	ĐX.K04	Đường giao thông từ Quốc lộ 29 đến giáp ranh với xã Ea Drông	3,40			3,40							3,40						
05	ĐH.124	ĐH.124 (Km0+00 tại Công trấn Đập Đà Lạt đến cổng đập Buồn Cú giáp xã Phú Xuân)	4,12	ĐX.K05	Đường giao thông từ Công trấn Đập Đà Lạt đến cổng đập Buồn Cú giáp ranh xã Phú Xuân	4,12	1,55	2,57								4,12						
06	ĐH.125	ĐH.125 (Km0+00 giao đường Y Wang đến giáp ranh xã Phú Xuân)	0,68	ĐX.K06	Đường giao thông từ Y Wang, xã Krông Năng đến giáp ranh xã Phú Xuân	0,68	0,68									0,68						
XXXXXII. Xã Krông Nô																						
01	ĐH.132	Đường vào bến đò Liêng Krăk	9,5	ĐX.KRN.01	Đường vào bến đò Liêng Krăk	9,5		9,5								9,5						
XXXXXIII. Xã Krông Pắc																						
01	ĐH.06.01	Đường GT từ xã Ea Yông huyện Krông Pắc đi xã Bình Thuận, TX Buôn Hồ	6,5	ĐX.06.01	Đường xã Krông Pắc 01	6,50		5,00	1,50							6,50						
02	ĐH.06.02	Đường từ xã Ea Yông đi xã Hoà Tiến, huyện Krông Pắc	8,00	ĐX.06.02	Đường xã Krông Pắc 02	8,00	8,00									8,00						
XXXXXIV. Xã Liên Sơn Lăk																						
01	ĐH.127	ĐH.127_Đường liên xã Liên Sơn - Đắk Liêng - Đắk Phoi	0,835	ĐX.LS.01	Đường xã Liên Sơn Lăk 01	0,835		0,835								0,835						
02	ĐH.133	ĐH.133_Đường liên xã Yang Tao - Đắk Liêng	5,500	ĐX.LS.02	Đường xã Liên Sơn Lăk 02	5,500	5,500									5,500						
XXXXXV. Xã M'Drăk																						
01	ĐH	Đường huyện (Đường huyện từ Trường Sơn Đông đến Tỉnh lộ 13)(Đoạn Km 0 - Km0+300)	0,30	ĐX.01a	Đường Trường Sơn Đông đến tỉnh lộ 13 xã M'Drăk	0,30	0,30									0,30						
02	ĐH	Đường huyện (Đường huyện Buôn M'Bhao từ Thị trấn đi xã Ea Riêng)(Đoạn Km 0 - Km 3+750)	3,75	ĐX.01b	Đường buôn M'Bhao, xã M'Drăk đi xã Ea Riêng	3,75	3,75									3,75						
XXXXXVI. Xã Nam Ka																						

Đường huyện đang quản lý				Đề xuất điều chỉnh phân loại đường			Trong đó												Thông tin về cầu		Ghi chú	
STT	Số hiệu đường bộ	Tên đường	Chiều dài (km)	Số hiệu đường bộ	Tên đường	Chiều dài (km)	Chiều dài phân loại theo kết cấu mặt đường (km)						Chiều dài phân loại theo cấp đường (km)						Tổng số cầu (chiếc)	Tổng chiều dài (m)		
							Bê tông xi măng	Bê tông nhựa	Láng nhựa	Cấp phối, đá dăm	Đất	Loại khác	Cấp I	Cấp II	Cấp III	Cấp IV	Cấp V	Cấp VI				Loại khác
(1)	(2)	(3)	(4)=(8+9+10+11+12+13) (4)=(14+15+16)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)
01	DH.131	Đường Liên xã Nam Ka - Ea Rbin	26,82	ĐX.NK.01	Đường xã Nam Ka 01	26,82	3,37		23,45								26,82			1,0	26,0	
XXXXXXVII. Xã Ô Loan																						
01	DH.34	An Hiệp - An Lãnh	7,3	ĐX.34	Đoạn từ Quốc lộ 1 đến điểm giáp xã Tuy An Tây	7,3	7,3									7,3						
02	DH.35	An Ninh Đông - An Cư	5,32	ĐX.35	Đoạn từ cầu Long Phú đến điểm giáp xã Tuy An Đông	6,388	6,388									6,388				1,00	1.188	
03	DH.36	An Cư - An Hiệp - An Hòa Hải	10,6	ĐX.36	An Cư - An Hiệp - An Hòa Hải	10,6	10,6									10,6						
XXXXXXVIII. Xã Phú Hòa 1																						
01	DH.21	Đường Giao thông từ Quốc lộ 25 đi thành phố Tuy Hòa	1,15	ĐX.21	Đường Giao thông từ Quốc lộ 25 đến Cao tốc Bắc Nam (thôn Phú Ân)	1,2		1,2								1,2						
02	DH.22B	Đường Giao thông từ khu phố Định Thọ 1 đến thôn Mậu Lâm Bắc	0,85	ĐX.22B	Đường Giao thông từ Khu phố Định Thọ 1 đến thôn Định Thọ Thái	0,9	0,9										0,9					
03	DH.24	Đường Giao thông từ Quốc lộ 25 đến thôn Phụng Tường 1, xã Hòa Trị	0,83	ĐX.24	Đường Giao thông từ Quốc lộ 25 đến Gò Tơ, thôn Đồng Lộc	0,83		0,83								0,83						
04	DH.25	Đường Giao thông từ Bờ Kè thôn Phong Niên đến thôn Mậu Lâm Bắc	3,01	ĐX.25	Đường Giao thông từ Bờ kè thôn Phong Niên đến thôn Định Thành	3,0		3,0								3,0				3,0	24,0	
05	DH.27	Đường Giao thông từ Quốc lộ 25 đến Cao tốc Bắc Nam	5,7	ĐX.27	Đường Giao thông từ Quốc lộ 25 đến Cao tốc Bắc Nam	5,7		5,7									5,7					
06	DH.28	Đường Giao thông từ Quốc lộ 25 đến thôn Long Phụng	3,2	ĐX.28	Đường Giao thông từ Quốc lộ 25 đến thôn Định Thành	3,2		3,2								3,2				1,0	12,0	
07	DH.29	Đường Giao thông từ thôn Định Thọ 1 đến thôn Long Phụng	3,78	ĐX.29	Đường Giao thông từ thôn Định Thọ 1 đến thôn Định Thọ Thái	3,8		3,8									3,8					
08	DH.30	Đường Giao thông từ Đập đồng cam thôn Phong Hậu đến thôn Nhất Sơn	5,6	ĐX.30	Đường Giao thông từ Đập đồng cam thôn Phong Hậu đến thôn Nhất Sơn	5,6		5,6								5,6				1,0	8,0	
XXXXXXIX. Xã Phú Hòa 2																						
01	DH.22	Đường Giao thông từ QL25 đi thôn Thanh Lâm, xã Hòa Quang Bắc	7,2	ĐX.22	Đường giao thông từ Cao tốc Bắc Nam, thôn Phụng Tường 1 đến thôn Thanh Lâm	7,2		7,20								7,20				4,00	27,50	
02	DH.22B	Đường Giao thông từ khu phố Định Thọ 1 đến thôn Mậu Lâm Bắc	3,23	ĐX.22B	Đường giao thông từ thôn Mậu Lâm Bắc đến thôn Quang Hưng	3,23	1,63	1,60									3,23			1,00	5,00	
03	DH.24	Đường Giao thông từ Quốc lộ 25 đến thôn Phụng Tường 1, xã Hòa Trị	2,27	ĐX.24	Đường Giao thông từ thôn Phụng Tường 1 đến Gò Tơ, thôn Phụng Tường 1	2,27		2,27								2,27				1,00	7,50	
04	DH.25	Đường Giao thông từ Bờ Kè thôn Phong Niên đến thôn Mậu Lâm Bắc	2,82	ĐX.25	Đường Giao thông từ thôn Mậu Lâm Bắc đến thôn Đại Bình	2,82		2,82								2,82				3,00	18,00	
05	DH.25B	Đường Giao thông từ thôn Cẩm Sơn, xã Hòa Quang Bắc đến thôn Mậu Lâm Bắc, xã Hòa Quang Bắc	3,3	ĐX.25B	Đường Giao thông từ thôn Cẩm Sơn đến thôn Mậu Lâm Bắc	3,3		3,30								3,30				1,00	6,00	
06	DH.26	Đường giao thông từ thôn Long Phụng, xã Hòa Trị đến thôn Phụng Tường 2, xã Hòa Trị.	2,2	ĐX.26	Đường Giao thông từ thôn Long Phụng đến thôn Phụng Tường 2	2,2		2,20								2,20				2,00	51,85	
07	DH.28	Đường Giao thông từ Quốc lộ 25 đến thôn Long Phụng	5,2	ĐX.28	Đường Giao thông từ thôn Đại Bình đến thôn Long Phụng	5,2		5,20								5,20						
08	DH.29	Đường Giao thông từ thôn Long Phụng đến thôn Định Thọ 1	13,42	ĐX.29	Đường Giao thông thôn Long Phụng đến thôn Phú Thạnh	13,42	6,92	6,50								13,42				3	66,5	
XXXXXX. Xã Phú Mỹ																						
01	DH.41	Lãnh Văn - Phú Lợi	7,4	ĐX.PM01	Đường Phú Lợi - Phú Hải	7,4					7,40					7,40						
02	DH.42	La Hai - Đồng Hội	7,5	ĐX.PM03	Đường La Hai - Đồng Hội	7,5	7,50								7,50							
03	DH.49	Phú Lợi - Phú Hải	7,64	ĐX.PM02	Đường Phú Lợi - Phú Hải	7,64					7,64					7,64						
XXXXXXI. Xã Phú Xuân																						
01	DH.118	DH.118 (Ngã ba Diệu Hóa, Phú Xuân (giao Km16+450 ĐT.699) đến giao ngã tư xã Ea Dìh (Km 153 +730, Quốc lộ 29))	4,50	ĐX.01P	Đường giao thông từ Quốc lộ 29 đi Ngã ba Diệu Hóa, xã Phú Xuân	4,50			4,50						4,50				1,00	70,00		
02	DH.119	DH.119 (Giáp ranh Ea Hô) đến Ngã ba Phú Xuân giao với Km 19+800 ĐT.699)	3,10	ĐX.02P	Đường giao thông từ xã Krông Năng đến Ngã ba Phú Xuân giao với Km 19+800 tuyến ĐT.699	3,10			3,10						3,10							

Đường huyện đang quản lý				Đề xuất điều chỉnh phân loại đường			Trong đó													Thông tin về cầu		Ghi chú	
STT	Số hiệu đường bộ	Tên đường	Chiều dài (km)	Số hiệu đường bộ	Tên đường	Chiều dài (km)	Chiều dài phân loại theo kết cấu mặt đường (km)					Chiều dài phân loại theo cấp đường (km)								Tổng số cầu (chiếc)	Tổng chiều dài (m)		
							Bê tông xi măng	Bê tông nhựa	Láng nhựa	Cấp phối, đá dăm	Đất	Loại khác	Cấp I	Cấp II	Cấp III	Cấp IV	Cấp V	Cấp VI	Loại khác				
(1)	(2)	(3)	(4)=(8+9+10+11+12+13) (4)=(14+15+16)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	
03	DH.123	DH.123 (Ngã ba cây xăng Hoa Lánh (giao với Km 10+800 Tỉnh lộ 3) đến Giáp ranh Thôn 7, Ea Drông)	1,70	ĐX.03P	Đường giao thông liên xã Phú Xuân đi xã Ea Drông	1,70	1,70									1,70							
04	DH.124	DH.124 (Km 16 +500 Tỉnh lộ 3 đến cống đập Buôn Cú giáp thôn Bình Minh, TT Krông Năng)	0,58	ĐX.04P	Đường giao thông từ Tỉnh lộ 3 đến cống đập Buôn Cú giáp thôn Bình Minh, xã Krông Năng	0,58	0,58									0,58							
05	DH.125	DH.125 (DH.119 đến giáp ranh thị trấn Krông Năng)	0,32	ĐX.05P	Đường Giao thông từ xã Phú Xuân đến xã Krông Năng	0,32	0,32									0,32							
06	DH.114	DH.114 (Cầu giáp ranh xã Tam Giang đến giáp ranh xã Ea Tam)	4,10	ĐX.06P	Cầu giáp ranh xã Tam Giang đến xã Phú Xuân	4,10	4,10									4,10							
XXXXXXXXII. Xã Pong Drang																							
01	DH.01	Quốc lộ 14 đi xã Tân Lập	3,533	ĐX.01	Quốc lộ 14 đi Quốc lộ 29	3,5			3,5							3,5				01	33		
XXXXXXXXIII. Xã Quảng Phú																							
01	DH.31	Từ Quảng Tiến ÷ Ea Drong (cũ), điểm đầu đoạn từ Cống trào thôn Tiến Cường đến điểm cuối giáp xã Cuôr Đăng	4,48	ĐX.01	Đường giao thông từ thôn Tiến Cường, xã Quảng Phú đến xã Cuôr Đăng	4,48			4,48							4,48							
02	DH.38	Từ Quảng Phú ÷ Ea M’ nang (cũ), điểm đầu đoạn từ giáp Quảng Phú đến điểm cuối giáp cầu Ea M’ nang	6,3	ĐX.02	Đường giao thông từ xã Quảng Phú đến cầu Ea M’ nang, xã Ea M’Droh	6,3		2,50	3,80							6,3							
03	ĐH	Từ Quảng Phú ÷ Ea Kpam (cũ), điểm đầu đoạn từ giáp Nghĩa trang thị trấn Quảng Phú đến điểm cuối giáp Đập Buôn Jông	4,6	ĐX.03	Đường giao thông từ nghĩa trang xã Quảng Phú đến giáp Đập Buôn Jông	4,6			4,6							4,60							
04	DH.04	Từ Quảng Phú ÷ Ea Drong (cũ), điểm đầu đoạn từ giáp Cầu Cản đến điểm cuối giáp Ea Drong	6,5	ĐX.04	Đường giao thông từ giáp Cầu Cản xã Quảng Phú đến xã Cuôr Đăng	6,5		6,5							6,5								
05	DH.39	Từ thị trấn Ea Pôk ÷ Ea M’ nang (cũ), điểm đầu đoạn Km3+800 (ĐT688) đến điểm cuối giáp xã Ea M’ nang	7,42	ĐX.05	Đường Giao thông từ Km3+800 tuyến ĐT.688 (Tỉnh lộ 8) đi xã Ea M’Droh	7,42			7,42							7,42							
06	DH.40	Từ Cư Suê ÷ Ea M’ nang (cũ), điểm đầu đoạn Km2+800 (ĐT688) đến điểm cuối giáp xã Ea M’ nang	7,5	ĐX.05	Đường Giao thông từ Km2+800 tuyến ĐT.688 (Tỉnh lộ 8) đi xã Ea M’Droh	7,33			7,33							7,5							
XXXXXXXXIV. Xã Sơn Hòa																							
01	DH.51	DH.51 (Ngân Diễn - Suối Bùn)	8,47	ĐX.51	Đường Giao thông từ thôn Ngân Diễn đi Suối Bùn	8,47	8,47										8,47			3	18,00		
02	DH.52	DH.52 (QL25- Làng Suối Bạc)	4,16	ĐX.52	Đường Giao thông từ Quốc lộ 25 đi làng Suối Bạc	4,16	4,16										4,16			1	16,00		
03	DH.54	DH.54 (Sơn Nguyên-Suối Bạc)	5,88	ĐX.54	Đường Giao thông từ xã Sơn Hòa đi làng Suối Bạc	5,88	3,78	2,10									5,88			1	20,00		
04	DH.56	DH.56 (Tỉnh Sơn-Suối Trai)	4,03	ĐX.56	Đường giao thông từ xã Sơn Hòa đi xã Suối Trai	4,03			1,15		2,88						4,03						
XXXXXXXXV. Xã Sơn Thành																							
01	DH.83	Tuyến từ cầu xếp thông đến Núi lá	1,2	ĐX.83	Tuyến từ Cầu xếp thông đến giáp cống chào thôn Mỹ Phú	1,2	1,2											1,2 (Cấp A)	1,00	6,00			
02	DH.84	Sơn Thành Đồng cũ đến cầu Bến Mít	5,5	ĐX.84	Tuyến từ Quốc lộ 29 đến giáp Ban Quản lý rừng phòng hộ thôn Mỹ Phú	5,5	5,5											5,5 (Cấp A)					
XXXXXXXXVI. Xã Sông Hình																							
01	DH.61	DH.61 (Ea Trol-Ea Bar)	7,8	ĐX.61	Đường từ Buôn Thu đi xã Ea Bá	7,8	7,80										7,80						
02	DH.66	DH.66 (Hai Riêng-Ea Trol)	5,1	ĐX.66	Đường từ thôn 5 đi buôn Ly	5,1	4,00	1,10								5,1							
03	DH.68	DH.68 (QL29- xã Ea Bia)	3,38	ĐX.68	Đường từ thôn 3 đi buôn Krông	3,38		3,38										3,38					
XXXXXXXXVII. Xã Suối Trai																							
01	DH.53	ĐH.53 (QL25- UBND xã Suối Trai -QL25)	17,7	ĐX.53	Đường giao thông từ Km51+050 Quốc lộ 25 đi Trung tâm xã Suối Trai đến Km54+700 Quốc lộ 25	17,7	0,46	10,44	6,80							17,70				6	170		
XXXXXXXXVIII. Xã Tam Giang																							
01	DH.114	Đường giao thông liên xã Tam Giang - Ea Púk - Ea Tam	5,4	ĐX.T01	Đường giao thông liên xã Tam Giang - Ea Púk - Ea Tam đoạn xã Tam Giang	5,4	1,20		4,20							2,90	2,50						
02	DH.115	Đường giao thông liên xã Ea Tam - Cư Klông	9,2	ĐX.T02	Đường giao thông liên xã Ea Tam - Cư Klông đoạn xã Tam Giang	9,2			9,20							0,70	8,50						

Đường huyện đang quản lý				Đề xuất điều chỉnh phân loại đường			Trong đó													Thông tin về cầu		Ghi chú
STT	Số hiệu đường bộ	Tên đường	Chiều dài (km)	Số hiệu đường bộ	Tên đường	Chiều dài (km)	Chiều dài phân loại theo kết cấu mặt đường (km)						Chiều dài phân loại theo cấp đường (km)						Tổng số cầu (chiếc)	Tổng chiều dài (m)		
							Bê tông xi măng	Bê tông nhựa	Láng nhựa	Cấp phối, đá dăm	Đất	Loại khác	Cấp I	Cấp II	Cấp III	Cấp IV	Cấp V	Cấp VI			Loại khác	
(1)	(2)	(3)	(4)=(8+9+10+11+12+13) (4)=(14+15+16)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)
03	ĐH.116	Đường giao thông liên xã Ea Tam - Ea Tóh - Ea Tân (đường vào xã Ea Tân)	4,8	ĐX.T03	Đường giao thông liên xã Ea Tam - Ea Tóh - Ea Tân (đường vào xã Ea Tân) đoạn xã Tam Giang	4,8			4,80								4,80			1,00	44,00	
04	ĐH.120	Đường giao thông liên xã Dliêya - Cư Klông	16,7	ĐX.T04	Đường giao thông liên xã Dliêya - Cư Klông đoạn xã Tam Giang	16,7			16,70							0,40	16,30					
05	ĐH.114	Đường giao thông liên xã Tam Giang - Ea Púk - Ea Tam	2,4	ĐX.T05	Đường giao thông liên xã Tam Giang - Ea Púk - Ea Tam đoạn xã Tam Giang	2,4			2,40							2,40						
XXXXXXXXIX. Xã Tân Tiến																						
01	ĐH.06.06	Đường GT xã Tân tiến đi xã Ea Uy đến xã Ea Yiéng(cũ)	11,32	ĐX.06.06	Đường GT xã Tân tiến đi xã Ea Uy đến xã Ea Yiéng(cũ)	11,32	10,9				0,42					11,32				1,0	15,0	
XXXXXXX. Xã Tây Hòa																						
01	ĐH.71	Cầu Phước Nông - Hòa Tân Đông	1,50	ĐX.71	Cầu Phước Nông - Hòa Tân Đông	1,50	1,50											1,50				
02	ĐH.72	Đường vào Bãi Rác và Nghĩa trang huyện	2,50	ĐX.72	Đường vào Bãi Rác và Nghĩa trang huyện	2,50	2,50									2,50			1,00	90,00		
03	ĐH.73	Chợ Chiều - Hồ Hoắc Râm	7,20	ĐX.73	Chợ Chiều - Hồ Hoắc Râm	7,20	7,20											7,20				
04	ĐH.74	Ga Gò Mắm - Hòa Thịnh	2,60	ĐX.74	Ga Gò Mắm - Hòa Thịnh	2,60	2,60											2,60				
05	ĐH.75	Phủ Thứ - Hoà Thịnh	1,20	ĐX.75	Phủ Thứ - Hoà Thịnh	1,20		1,20								1,20				2	25	
06	ĐH.81	Kênh N6- Hòa Đồng	1,00	ĐX.81	Kênh N6- Hòa Đồng	1,00		1,00										1,00				
07	ĐH.82	Phủ Nhiều - Hoà Phong	2,70	ĐX.82B	Phủ Nhiều - Hoà Phong	2,70		2,70								2,70						
XXXXXXXXXI. Xã Tây Sơn																						
01	ĐH.55	Đường từ Km96+900 Quốc lộ 19C ngã tư Trà Kê, xã Sơn Hội đến trạm bơm Ma Dao, xã Cà Lúi	14,50	ĐX.55	Đường từ Km96+900 Quốc lộ 19C ngã tư Trà Kê, xã Sơn Hội đến trạm bơm Ma Dao, xã Cà Lúi	14,50	12,70	0,70			1,10					14,50						
XXXXXXXXXII. Xã Tuy An Bắc																						
01	ĐH.38	ĐH 38 (đoạn từ Miếu bà Trang đến giáp đường ĐT 641 , đoạn xã An Định cũ)	3,80	ĐX.38	Đoạn từ Miếu bà Trang đến giáp đường ĐT 641, đoạn xã Tuy An Bắc	3,80	3,80									3,80						
XXXXXXXXXIII. Xã Tuy An Đông																						
01	ĐH.31	Đường giao thông từ xã An Thạch cũ đến Gành Đá Đĩa, xã An Ninh Đông cũ	12,3	ĐX.31	Đường giao thông từ Cầu Lò Gốm đến gành Đá Đĩa	12,3			12,3							12,3						
02	ĐH.35	Giáp ĐT 649 (ngã ba Mã Đạo thôn Phú Lương) đến giáp xã Ô Loan (xã An Cư cũ)	2,72	ĐX.35	Đường giao thông ngã ba Mã Đạo thôn Phú Lương đến giáp xã Ô Loan	2,72	2,72									2,72						
XXXXXXXXXIII. Xã Tuy An Nam																						
01	ĐH.32	Chi Thạnh, An Nghiệp, An Linh, An Thọ	2,1	ĐX.32B	Chi Thạnh, An Nghiệp, An Linh, An Thọ đoạn xã Tuy An Nam	2,1	2,1									2,1						
02	ĐH.39	An Mỹ, An Thọ	7,38	ĐX.39	An Mỹ, An Thọ đoạn xã Tuy An Nam	7,38	7,38									7,38				1	396	
XXXXXXXXXIV. Xã Tuy An Tây																						
01	ĐH.32	Chi Thạnh, An Nghiệp, An Linh, An Thọ	17,1	ĐX.32	Chi Thạnh, An Nghiệp, An Linh, An Thọ đoạn xã Tuy An Tây	17,1	17,1									17,1				1	5	
02	ĐH.33	Chi Thạnh, An Linh	3,68	ĐX.33	Chi Thạnh, An Linh đoạn xã Tuy An Tây	3,68	3,68									3,68				4	67,75	
03	ĐH.34	An Hiệp, An Linh	4,9	ĐX.34	An Hiệp, An Linh đoạn xã Tuy An Tây	4,9	4,9									4,9				2	33,5	
04	ĐH.37	An Nghiệp, An Linh	6,4	ĐX.37	An Nghiệp, An Linh đoạn xã Tuy An Tây	6,4	6,4									6,4						
XXXXXXXXXV. Xã Vụ Bản																						
01	ĐH.06.03	Đường Ea Phê đi xã Ea Kuảng đến xã Vụ Bản, huyện Krông Pắc	2,47	ĐX.06.03	Đường Gít từ cầu Suối đục, xã Ea Phê đi ngã ba xã Vụ Bản	2,47	2,47									2,470						

Đường huyện đang quản lý				Dự xuất điều chỉnh phân loại đường				Trong đó											Thông tin về cầu		Ghi chú	
STT	Số hiệu đường bộ	Tên đường	Chiều dài (km)	Số hiệu đường bộ	Tên đường	Chiều dài (km)	Chiều dài phân loại theo kết cấu mặt đường (km)					Chiều dài phân loại theo cấp đường (km)							Tổng số cầu (chiếc)	Tổng chiều dài (m)		
							Bê tông xi măng	Bê tông nhựa	Láng nhựa	Cấp phối, đá dăm	Đất	Loại khác	Cấp I	Cấp II	Cấp III	Cấp IV	Cấp V	Cấp VI				Loại khác
(1)	(2)	(3)	(4)=(8+9+10+11+12+13) (4)=(14+15+16)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)
02	ĐH.06.08	Đường GT từ xã Ea Kly đi xã Vụ Bồn, huyện Krông Pắc	17,209	ĐX.06.08	Đường GT từ giáp xã Ea Kly đi cầu Krông Bông, xã Vụ Bồn	17,209	10,349		6,86							17,21				3,00	111,00	
XXXXXXXXVI. Xã Xuân Cảnh																						
01	ĐH.02	Lệ Uyên - Bình Thạnh	5,1	ĐX.02	Lệ Uyên - Bình Thạnh đoạn xã Xuân Cảnh	5,1	5,1										5,1					
02	ĐH.06	Quốc lộ 1A - Hòa Thạnh	3,03	ĐX.06	Quốc lộ 1A - Hòa Thạnh đoạn xã Xuân Cảnh	3,03	3,03										3,03					
03	ĐH.07	Hòa Thọ - Hòa Lợi	6,80	ĐX.07	Hòa Thọ - Hòa Lợi đoạn xã Xuân Cảnh	6,80	6,80									6,80						
04	ĐH.09	Xuân Bình - Xuân Hải	1,9	ĐX.09	Xuân Bình - Xuân Hải đoạn xã Xuân Cảnh	1,9	1,9										1,9		1		106	
05	ĐH.10B	Bình Thạnh - Đà Giảng	8,6	ĐX.10B	Bình Thạnh - Đà Giảng đoạn xã Xuân Cảnh	8,6	8,6										8,6					
XXXXXXXXVII. Xã Xuân Lãnh																						
01	ĐH.41	Lãnh Văn - Phú Lợi	10,2	ĐX.41	Lãnh Văn - Phú Lợi đoạn xã Xuân Lãnh	10,2	2,3				7,9						10,2					
02	ĐH.47	Lãnh Trường - Đa Dù	7,03	ĐX.47	Lãnh Trường - Đa Dù đoạn xã Xuân Lãnh	7,03	6,6				0,43						7,03					
XXXXXXXXVIII. Xã Xuân Lộc																						
01	ĐH.08	Chánh Lộc - Diêm Trường	4,52	ĐX.08	Chánh Lộc - Diêm Trường đoạn xã Xuân Lộc	4,52	4,52										4,52					
02	ĐH.10	Long Thạnh - Thôn 1 Xuân Hải	7,95	ĐX.10	Long Thạnh - Thôn 1 Xuân Hải đoạn xã Xuân Lộc	7,95	7,95										7,95					
XXXXXXXXIX. Xã Xuân Phước																						
01	ĐH.43	Phước Lộc - A20	7,38	ĐX.43	Phước Lộc - A20 đoạn xã Xuân Phước	7,38	7,38									7,38						
02	ĐH.45	Long Hà - Phước Lộc	1,57	ĐX.45	Long Hà - Phước Lộc đoạn xã Xuân Phước	1,57				1,57							1,57					
03	ĐH.46	Thạnh Đức - Gò Ôi	1,28	ĐX.46	Thạnh Đức - Gò Ôi đoạn xã Xuân Phước	1,28				1,28							1,28					
XXXXXXXXX. Xã Xuân Thọ																						
01	ĐH.01	Mỹ Lương - Hảo Nghĩa - Hảo Danh	11,1	ĐX.01	Mỹ Lương - Hảo Nghĩa - Hảo Danh đoạn xã Xuân Thọ	11,1	11,1									11,1						
02	ĐH.10	Bình Thạnh - Đà Giảng	12,6	ĐX.10	Bình Thạnh - Đà Giảng đoạn xã Xuân Thọ	12,6	12,6										12,6					
XXXXXXXXXI. Xã Yang Mao																						
01	ĐH.06	Đường Buôn M'Nghi - Nhân Giang	3,93	ĐX.06	Đường Buôn M'Nghi - Nhân Giang	3,93				3,93						3,93						
02	ĐH.09	Đường Cư Đrăm - Krông Á	29,00	ĐX.09	Đường Cư Đrăm - Krông Á	29,00				29,00						29,00						
XXXXXXXXXII. Phường Bình Kiến																						
01	ĐH.11	Đường Đá bản	10,6	ĐX.11	Đường Đá bản	10,6										10,6			1,00	32,00		
02	ĐH.12	Đường Quốc lộ 1 - Viện điều dưỡng long thủy	1,75	ĐX.12	Đường Quốc lộ 1 - Viện điều dưỡng long thủy	1,75										1,75			1,00	6,00		
03	ĐH.13	Đường đi nghĩa trang Thọ Vực - dọc Kênh N1	5,02	ĐX.13	Đường đi nghĩa trang Thọ Vực - dọc Kênh N1	5,02										5,02			1,00	23,00		
XXXXXXXXXIII. Phường Buôn Hồ																						
01	ĐH	Đường Buôn Hồ - Ea Blang -Ea Đrông - Phú Xuân (NT49) từ Km0+00-Km2+200	2,2	ĐX.01a	Đường Buôn Hồ - Ea Blang -Ea Đrông - Phú Xuân (NT49) từ Km0+00-Km2+200	2,2		2,2						2,2								
XXXXXXXXXIV. Phường Buôn Ma Thuột																						

Đường huyện đang quản lý				Đề xuất điều chỉnh phân loại đường			Trong đó													Thông tin về cầu		Ghi chú
STT	Số hiệu đường bộ	Tên đường	Chiều dài (km)	Số hiệu đường bộ	Tên đường	Chiều dài (km)	Chiều dài phân loại theo kết cấu mặt đường (km)						Chiều dài phân loại theo cấp đường (km)						Tổng số cầu (chiếc)	Tổng chiều dài (m)		
							Bê tông xi măng	Bê tông nhựa	Láng nhựa	Cấp phối, đá dăm	Đất	Loại khác	Cấp I	Cấp II	Cấp III	Cấp IV	Cấp V	Cấp VI			Loại khác	
(1)	(2)	(3)	(4)=(8+9+10+11+12+13) (4)=(14+15+16)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)
01	ĐH	Đường nối tiếp đường Phạm Ngũ Lão đến nối đường Tỉnh lộ 5	5,69	ĐX.01	Đường nối tiếp đường Phạm Ngũ Lão đến nối đường Tỉnh lộ 5	5,69		5,69								5,69				2	80	
XXXXXXXXV. Phường Cư Bao																						
01	ĐH.04	Đường từ Cư Bao - Bình Thuận - Ea Phê	11,8	ĐX.04	Đường giao thông từ Km1753+750 đường Hồ Chí Minh đi Phường Cư Bao	11,8			11,8							11,8						
02	ĐH.07	Đường từ Cư Bao đi xã Ea Tul (Cư Mgar)	5,3	ĐX.07	Đường giao thông từ phường Cư Bao đi xã Ea Tul	5,3			5,3							5,3						
03	ĐH.08	Đường từ Cư Bao đi xã Ea Kênh (Krông Pách)	3,95	ĐX.08	Đường giao thông từ phường Cư Bao đi xã Ea Phê	3,95			3,95							3,95						
04	ĐH.09	Đường giao thông từ Km1748+500 đường Hồ Chí Minh đi xã Bình Thuận (cũ)	4,3	ĐX.09	Đường giao thông từ Km1753+750 đường Hồ Chí Minh đi phường Cư Bao	4,3			4,3							4,3						
05	ĐH.10	Đường giao thông từ xã Bình Thuận (cũ) đi xã Ea Siên	4,1	ĐX.10	Đường giao thông từ phường Cư Bao đi xã Cư Pong	4,1			4,1							4,1						
XXXXXXXXXVI. Phường Đông Hòa																						
01	ĐH.87	Phước Bình - Vĩnh Xuân	0,93	ĐX.87	Phước Bình - Vĩnh Xuân đoạn phường Đông Hòa	0,93	0,93									0,93						
02	ĐH.88	Vườn Điều - Cầu đá cối	1,4	ĐX.88	Vườn Điều - Cầu đá cối đoạn phường Đông Hòa	1,4	1,4									1,4						
03	ĐH.89	Đường xương sống Hòa Vinh - Hòa Tân Đông	5,57	ĐX.89	Đường xương sống Hòa Vinh - Hòa Tân Đông đoạn phường Đông Hòa	5,57	5,57									5,57						
XXXXXXXXXXVII. Phường Hòa Hiệp																						
01	ĐH.86	Đường từ ngã ba Hòa Hiệp Trung đến giáp ranh phường Phú Thạnh	6,8	ĐX.86	Đường từ ngã ba Hòa Hiệp Trung đến giáp ranh phường Phú Thạnh đoạn phường Hòa Hiệp	6,8		6,8								6,8						
XXXXXXXXXXVIII. Phường Phú Yên																						
01	ĐH.87	:Phước Bình - Vĩnh Xuân	2,32	ĐX.87	Phước Bình - Vĩnh Xuân đoạn phường Phú Yên	2,32	2,32									2,32						
XXXXXXXXXXIX. Phường Sông Cầu																						
01	ĐH.02	Lệ Uyên - Bình Thạnh	1,85	ĐX.02	Lệ Uyên - Bình Thạnh đoạn phường Sông Cầu	1,85	1,85											1,85				
02	ĐH.03	Trung Trinh - Vũng La	17,25	ĐX.03	Trung Trinh - Vũng La đoạn phường Sông Cầu	17,25	17,25										17,25					
03	ĐH.04	Vũng Chảo - Từ Nham	4,51	ĐX.04	Vũng Chảo - Từ Nham đoạn phường Sông Cầu	4,51	4,51											4,51				
04	ĐH.05	Hòa Hiệp - Từ Nham	10,22	ĐX.05	Hòa Hiệp - Từ Nham đoạn phường Sông Cầu	10,22	9,22		1,00									10,22				
XXXXXXXXXX. Phường Tuy Hòa																						
01	ĐH.21	Đường Giao thông từ Quốc lộ 25 đi thành phố Tuy Hòa	4,63	ĐX.21	Đường Giao thông từ Quốc lộ 25 đi thành phố Tuy Hòa đoạn phường Tuy Hòa	4,63		4,63										4,63				
02	ĐH.22	Đường Giao thông từ QL25 đi thôn Thạnh Lâm, xã Hòa Quang Bắc	3,70	ĐX.22	Đường Giao thông từ QL25 đi thôn Thạnh Lâm, xã Hòa Quang Bắc đoạn phường Tuy Hòa	3,70	0,73	2,97									3,7					
03	ĐH.27	Đường Giao thông từ Quốc lộ 25 đến Cao tốc Bắc Nam	4,40	ĐX.27	Đường Giao thông từ Quốc lộ 25 đến Cao tốc Bắc Nam đoạn phường Tuy Hòa	4,40		4,40										4,4				